

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Ngọc Liễu

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG
THỦY**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Ngọc Liễu

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Ngọc Liễu

Mã SV: 1312401172

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy, sử dụng số liệu năm 2016.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty cổ phần Trung Thủy
 - Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 07 tháng 04 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Trần Thị Ngọc Liễu

Th.S Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tình thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp.

- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập

- Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.

- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất – kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toán công tác kế toán của đơn vị thực tập.

- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	9
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP	11
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán	11
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.....	13
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	13
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	15
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua	17
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán	18
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.....	18
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	18
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán	20
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	21
1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán	21
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ	22
1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán	25
1.6. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	26
1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.	26
1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ nhật ký chung:.....	26
1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY.....	29
2.1. Khái quát về công ty cổ phần Trung Thủy	29
2.1.1. Lịch sử hình thành của công ty cổ phần Trung Thủy	29
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	30
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích cơ bản của công ty trong quá trình hoạt động..	31
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty	32
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty cổ phần Trung Thủy.	33

2.1.6. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán tại công ty cổ phần Trung Thủy.	39
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy	40
2.2.1. Kế toán thanh toán với người mua tại công ty cổ phần Trung Thủy.....	40
2.2.2. Kế toán thanh toán với người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.....	51
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY.....	64
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.....	64
3.1.1. Ưu điểm	64
3.1.2. Hạn chế	65
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	66
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	66
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.....	67
3.4.1. Giải pháp 1: Quản lý công nợ.....	67
3.4.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	73
3.4.3. Giải pháp 3: Dự phòng phải thu khó đòi.....	75
3.4.4. Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán	81
KẾT LUẬN	86

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, hàng loạt các doanh nghiệp đã, đang và sẽ ra đời, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Với quy mô và hoạt động khác nhau nhưng về cơ bản đều hướng tới mục tiêu chung là phát triển bền vững và lợi ích lâu dài. Để đạt được điều đó thì mỗi doanh nghiệp luôn phải nắm bắt được tình hình tài chính của công ty, phải biết là đồng vốn của mình đang được sử dụng như thế nào, hay đang đặt ở đâu, có đáng tin cậy hay không, bên cạnh đó việc xây dựng lòng tin với khách hàng cũng như nhà cung cấp là một việc quan trọng không kém.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty em thấy công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cùng với sự hướng dẫn của cô giáo em đã quyết định chọn đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy”*** để làm đề tài cho khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

Đề xuất một số giải pháp giúp công ty hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Nghiên cứu tại công ty cổ phần Trung Thủy
- Về số liệu nghiên cứu: năm 2016

4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối)

- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. Kết cấu của khóa luận

Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận

Nội dung nghiên cứu: gồm 3 chương

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, các cô chú phòng kế toán của Công ty cổ phần Trung Thủy đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Khái niệm thanh toán: Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Phương thức thanh toán: Là cách thức chi trả cho hợp đồng mua bán được sự thống nhất của bên bán và bên mua. Đối với thanh toán trong nước thông thường có 2 phương thức thanh toán là: thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- **Thanh toán trực tiếp:** Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)...
- **Thanh toán chậm trả:** Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- *Thanh toán bằng tiền mặt:* bao gồm các loại hình thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ các loại, hối phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền... Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ... thì bên mua xuất tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ.
- *Thanh toán không bằng tiền mặt* là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: thanh toán bằng Séc, thanh toán

bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng – L/C.

- ✓ Thanh toán bằng Séc: Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.
- ✓ Thanh toán bằng ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.
- ✓ Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác...
- ✓ Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ theo dõi.
- ✓ Thanh toán bằng thư tín dụng – L/C: Theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.
- ✓ Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

(Nguồn: Giáo trình kế toán tài chính)

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ.

*** Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:**

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ TK 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ TK 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có TK 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có TK 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập BCTC. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hợp đồng bán hàng (đối với những khách hàng có giao dịch lớn/ 1 lần giao dịch)
- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do doanh nghiệp lập
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thu tiền: phiếu thu, giấy báo có
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 131
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 131 từng khách hàng
- Bảng tổng hợp TK 131

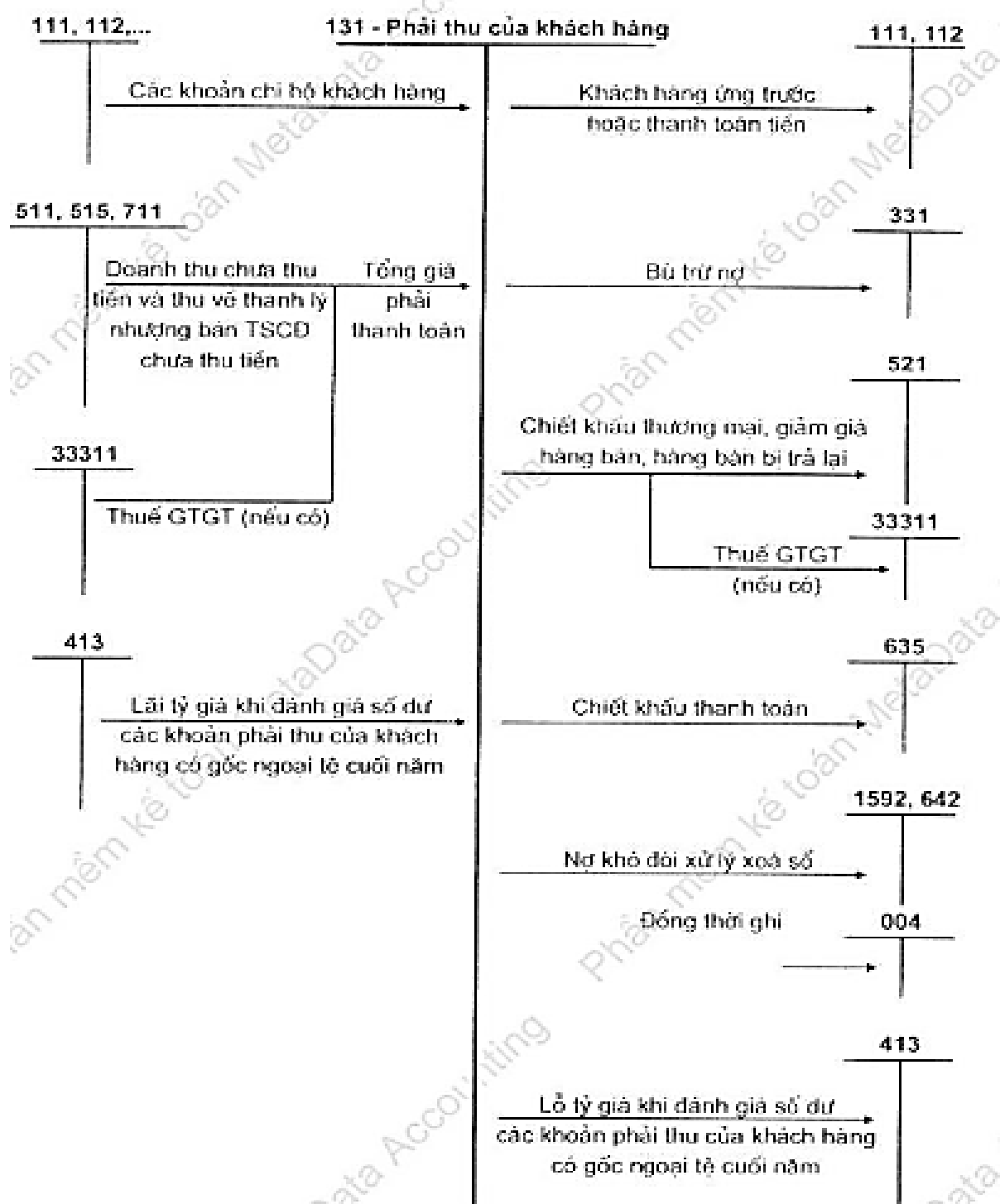
b. Tài khoản sử dụng

TK 131: Phải thu của khách hàng

Kết cấu TK 131: phải thu của khách hàng

Bên nợ	Bên có
- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	- Số tiền khách hàng đã trả nợ - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT) - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
Số dư bên nợ -Số tiền còn phải thu của khách hàng	Số dư bên có (nếu có) - Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ trả tiền ngay.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo chính thức của người bán.

Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận...
- Các chứng từ thanh toán tiền hàng: phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, séc...
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 331
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 331 từng khách hàng
- Bảng tổng hợp TK 331

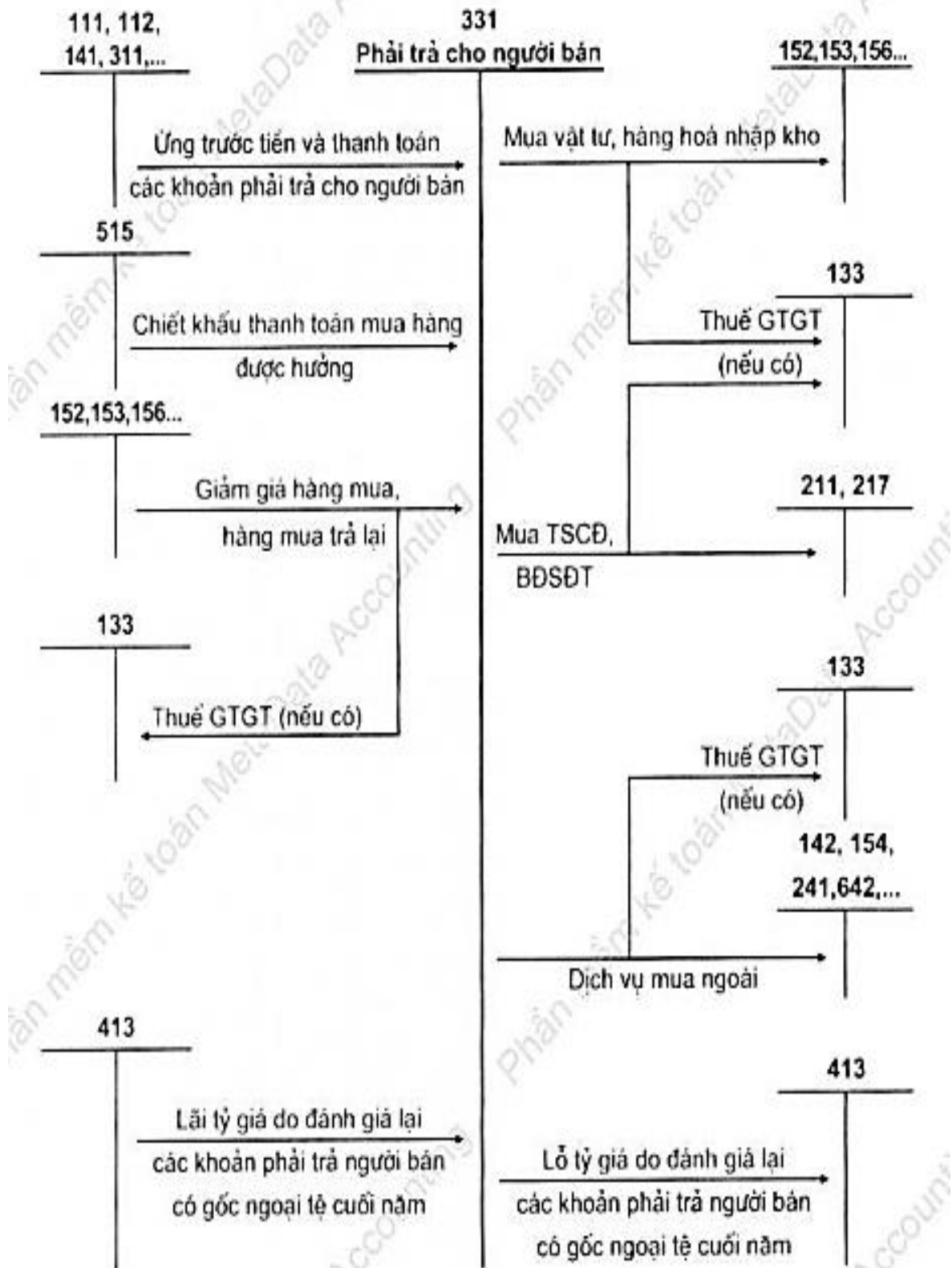
b. Tài khoản sử dụng

TK 331: Phải trả cho người bán

Kết cấu TK 331: Phải trả người bán

Bên nợ	Bên có
- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán. - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
Số dư bên nợ (nếu có) -Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.	Số dư bên có -Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi hai chỉ tiêu bên “tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán

Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

Trong kế toán sử dụng 3 loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi, hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

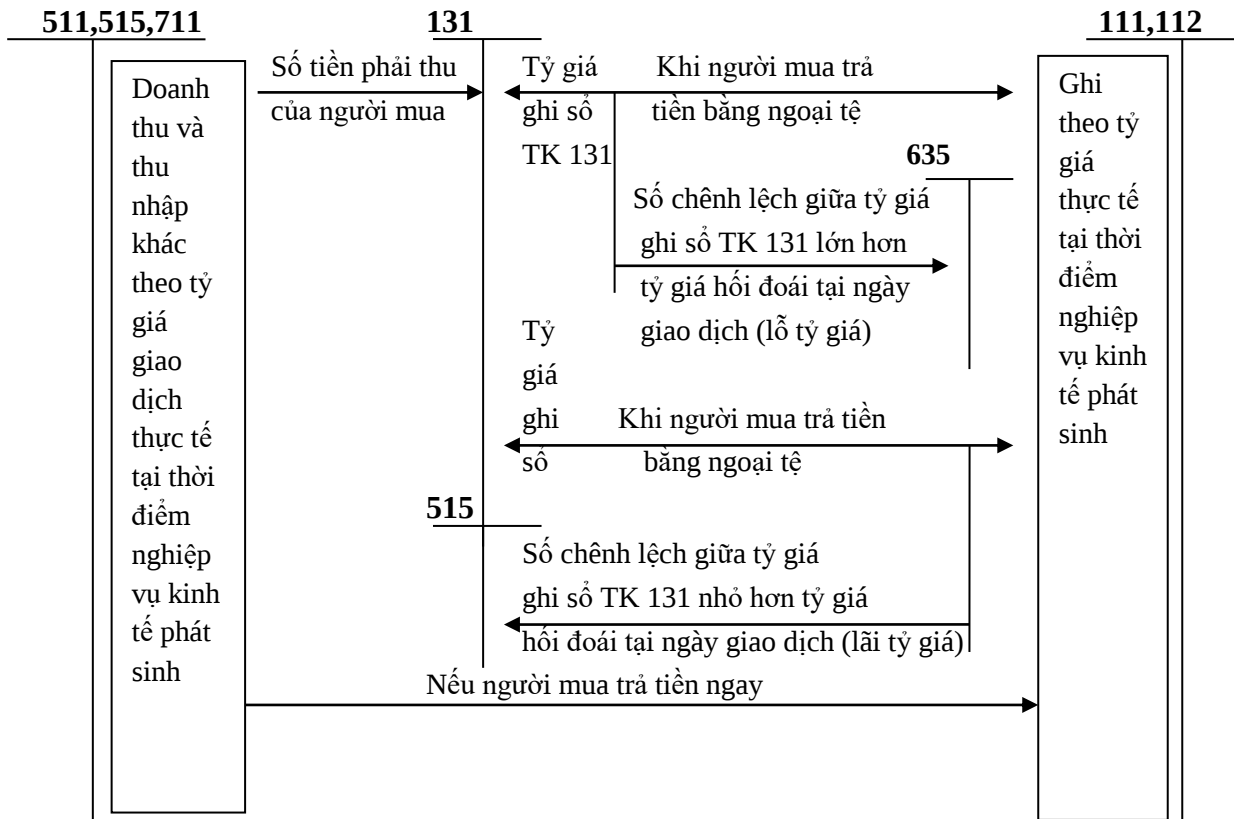
Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.

Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

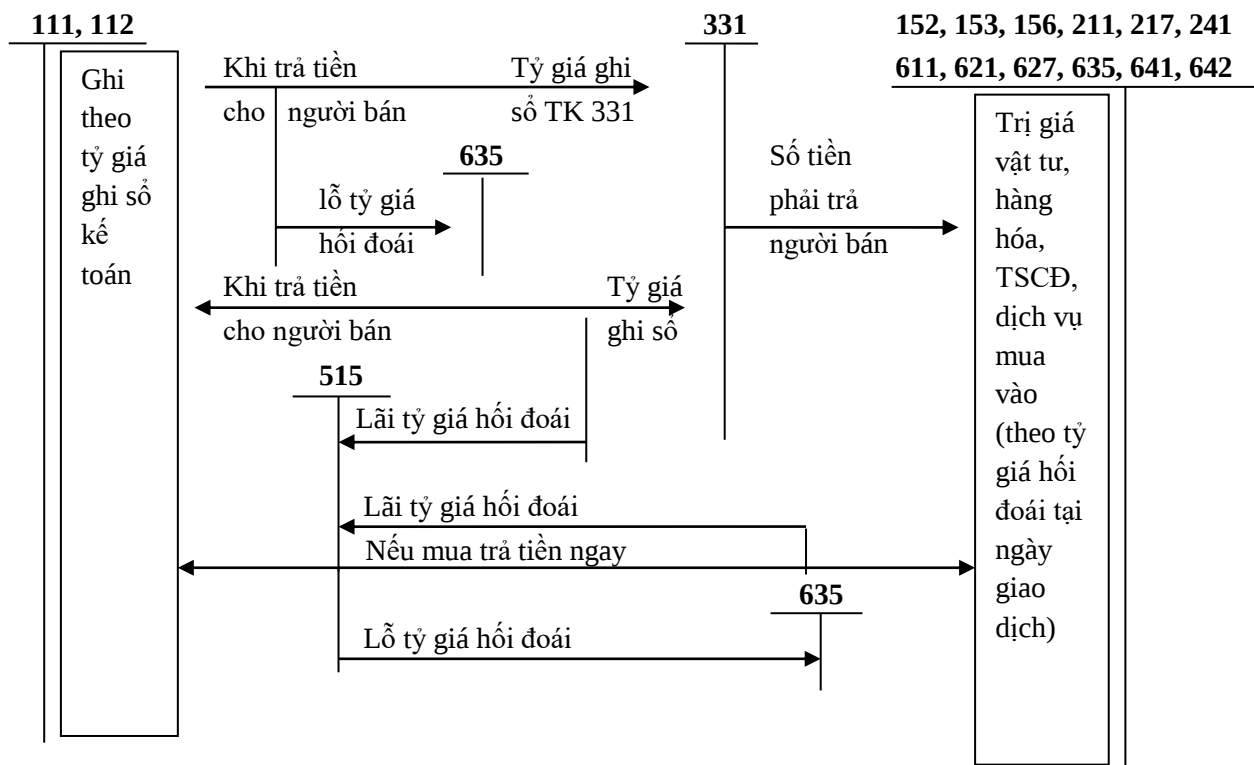
Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

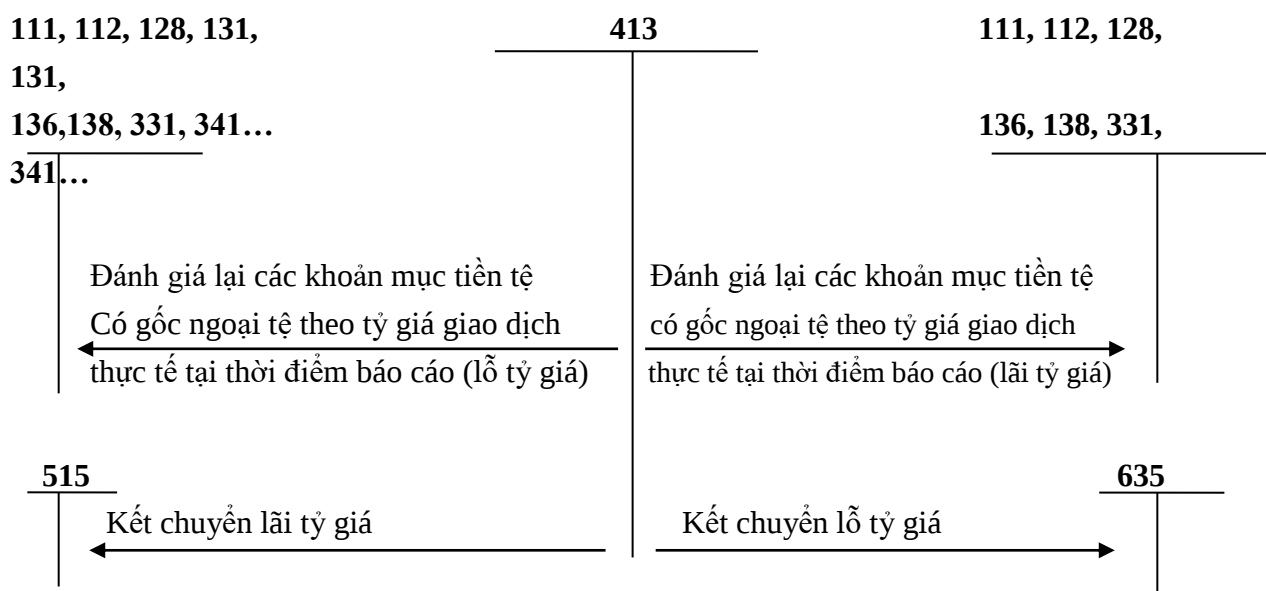
Kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn SXKD (trong năm tài chính)



Sơ đồ 1.5: Kế toán chênh lệch tỷ giá hồi đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo

Các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất.

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của hoạt động kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp đầu tư XD CB, tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ phát sinh trong kỳ (giai đoạn trước hoạt động) chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được phản ánh vào Nợ hoặc Có TK 413 cho đến thời điểm hoàn thành đầu tư xây dựng, bàn giao công trình đưa vào sử dụng sẽ được kết chuyển ngay toàn bộ hoặc phân bổ dần vào Có TK 515 hoặc Nợ TK 635 trong thời gian tối đa không quá 5 năm.

1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán

Doanh nghiệp không thể chi trả tất cả các khoản phát sinh trong hoạt động kinh doanh với lượng vốn chủ sở hữu có hạn, dẫn đến phải chiếm dụng vốn của tổ chức khác làm phát sinh quan hệ thanh toán. Trong tất cả các khoản phải thu thì phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Luồng tiền thu được từ khách hàng là nguồn chính để doanh nghiệp chi trả các khoản nợ và tiếp tục chu kỳ kinh doanh của mình. Việc quản lý và thu hồi nợ tốt sẽ nâng cao khả năng thanh toán của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp có tình hình tài chính vững mạnh để vượt qua những khó khăn có thể gặp phải trong suốt quá trình hoạt động của mình và quyết định sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh.

Quan hệ thanh toán là yếu tố của hoạt động tài chính và là cơ sở cho công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính doanh nghiệp giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán phát sinh đều được biểu hiện qua các chứng từ, sổ sách nên việc quản lý các khoản nợ và thu hồi nợ phải được tiến hành thông qua kế toán. Từ sự quản lý thường xuyên và chi tiết của kế toán mà ban giám đốc sẽ có những quyết định đúng đắn, biện pháp kịp thời trong việc thu hồi nợ phải thu sớm nhất có thể từ phía khách hàng nhưng vẫn phải đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt với bạn hàng, đồng thời chi trả đúng hạn cho người bán nhằm nâng cao uy tín cho công ty. Nhìn chung, quan hệ thanh toán với người mua và người bán có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.6. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

- Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, từng thời gian, đơn đốc việc thanh toán kịp thời, tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận nợ bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc, quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua, người bán sao cho khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.**1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ nhật ký chung:**

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- **Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:**

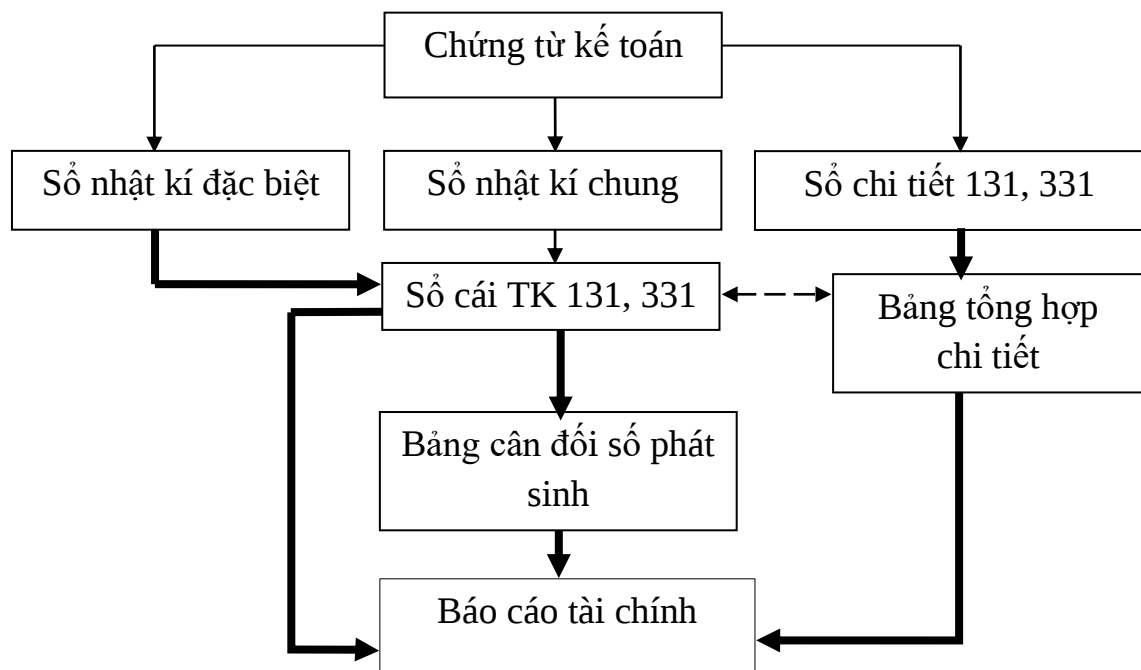
- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- + Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Ưu điểm

- + Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- + Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- + Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

- Nhược điểm

- + Lượng ghi chép nhiều.

1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ➔

Kiểm tra, đối chiếu ↔

a. Công việc hàng ngày:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10, ... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

b. Công việc cuối tháng, quý, năm:

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.
- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung (hoặc sổ nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY

2.1. Khái quát về công ty cổ phần Trung Thủy

2.1.1. Lịch sử hình thành của công ty cổ phần Trung Thủy

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY
- Tên tiếng Anh: TRUNG THUY JS.CO
- Tên giao dịch: TRUNG THUY JS.CO
- Tel: 031.3856814 Fax: 031.3856814
- Mã số thuế: 0200605838
- Địa chỉ trụ sở chính: 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng
- Văn phòng GD: Số 174 Vũ Chí Thắng – Lê Chân – Hải Phòng
- Tổng vốn đầu tư: 5.000.000.000 VNĐ
- Người đại diện pháp lý: Lê Văn Thủy
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

****Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Trung Thủy.***

- Công ty Cổ phần Trung Thủy được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 0200605838 vào ngày 25/11/2004 đăng ký bởi Chi cục Thuế quận Lê Chân.
- Công ty cổ phần Trung Thủy bắt đầu đi vào hoạt động từ 14/03/2006 với một cơ sở duy nhất tại quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng với diện tích 637m² đội ngũ công nhân chỉ khoảng 40-50 người, cơ sở trang thiết bị thiếu thốn. Kể từ đó đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ công nhân viên trong công ty sau hơn 10 năm hoạt động đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận.
- Năm 2008, do nhu cầu cần thiết của mặt hàng, công ty đã xây dựng thêm một cơ sở nữa để tăng quy mô sản xuất tại huyện An Lão, thành phố Hải Phòng với diện tích lên đến 1.031m², tuyển dụng thêm từ 100-200 công nhân.
- Công ty cổ phần Trung Thủy luôn có số lượng đặt hàng lớn từ 2000-4000 sản phẩm, dịch vụ khác nhau phục vụ cho các đơn vị như: quân đội, hải quan, khách sạn, nhà hàng, hội trường, lễ đoàn....ngoài ra còn nhận thầu các công trình xây dựng, nhà cửa, trường học...

- Trong hơn 10 năm hoạt động, với số vốn đầu tư ban đầu là 5.000.000.000, công ty đã xây dựng lên một cơ sở sản xuất và kinh doanh gỗ nội thất có quy mô lớn với nhiều trang thiết bị hiện đại, máy móc tân tiến, công nhân có tay nghề và sản xuất ra nhiều mặt hàng chất lượng, tạo uy tín với thị trường trong cả nước.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Ngành nghề chính của công ty là sản xuất giường tủ, bàn, ghế. Ngoài ra công ty còn kinh doanh các lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	25920
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
3	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	68100
5	Sản xuất giường tủ, bàn, ghế	3100
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	82990
7	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
8	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	16210
9	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	16220
10	Sản xuất bao bì bằng gỗ	16230
11	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, SXSP từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16	Xây dựng nhà các loại	41000
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
18	Xây dựng công trình công ích	42200
19	Phá dỡ	43110
20	Chuẩn bị mặt bằng	43120

21	Lắp đặt hệ thống điện	43210
22	Hoàn thiện công trình xây dựng	43300
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
24	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại và phần mềm	46510
25	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông	46520
26	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích cơ bản của công ty trong quá trình hoạt động.

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

***Thuận lợi:**

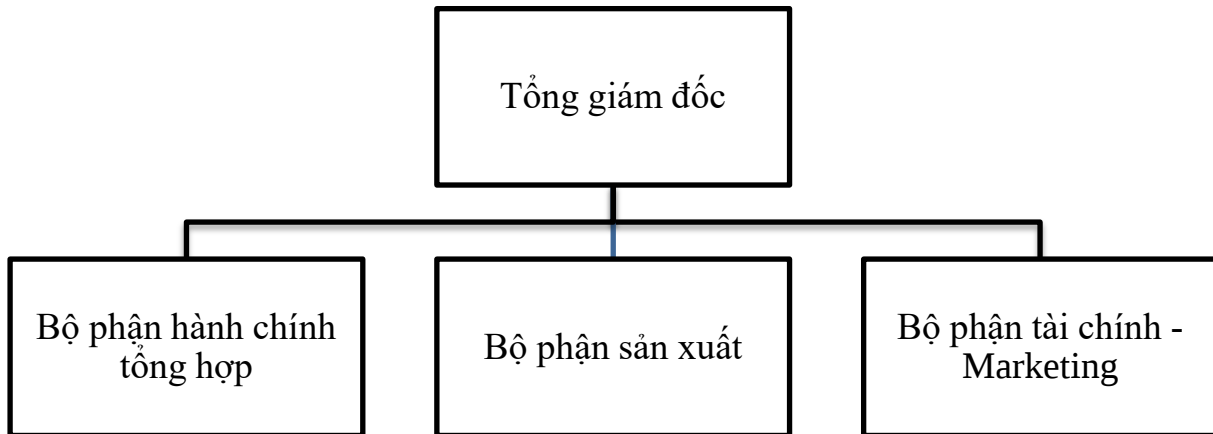
- Môi trường làm việc thoáng mát, sạch đẹp đảm bảo chất lượng vệ sinh.
- Đội ngũ công nhân viên có tinh thần trách nhiệm trong công việc, trình độ kỹ thuật cao.
- Trang bị máy móc, thiết bị tân tiến hiện đại, nhà xưởng rộng rãi.
- Nguồn cung cấp gỗ và các NVL khác đảm bảo chất lượng, uy tín và hợp pháp.
- Bộ máy quản lý làm việc có chuyên môn.

***Khó khăn:**

- Nguồn nhân sự tuy nhiệt tình nhưng chưa vững chắc về nghiệp vụ rất khó để giải quyết các sự cố bất ngờ xảy ra.
- Nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường.
- Bộ máy hoạt động còn cồng kềnh, khó kiểm soát.

***Thành tích cơ bản:**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2016
Doanh Thu	>1,5 tỷ	>2 tỷ	>3 tỷ
Nộp ngân sách	>60 triệu	>80 triệu	>90 triệu
Thu nhập bình quân đầu người	2,5-5 triệu	3-7,5 triệu	4-9 triệu

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty**Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty cổ phần Trung Thuỷ**

- ❖ Tổng giám đốc công ty: Ông Lê Văn Thuỷ, sinh ngày 16/07/1957, Quốc tịch: Việt Nam.
 - Là người đại diện pháp luật của công ty.
 - Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với công ty về các vấn đề như: chiến lược kinh doanh, đề ra các phương án giải quyết,...
 - Là người có nhiệm vụ, quyền hạn tối cao trong công ty.
- ❖ Bộ phận hành chính tổng hợp:
 - Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
 - Kiểm tra, đơn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.
 - Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.
- ❖ Bộ phận sản xuất:
 - Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất chế tạo tại các phân xưởng.
 - Theo dõi tình hình sản xuất của Công ty bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.
 - Kiểm tra các mặt hàng mà Công ty thực hiện hoạt động xuất nhập.
 - Nghiên cứu cải tiến đổi mới thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đề xuất sản phẩm không phù hợp.

- Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng sản phẩm hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân không đạt để đưa ra biện pháp khắc phục.
- Chịu trách nhiệm quản lý, vận chuyển sản phẩm cho khách hàng.
- Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng.

❖ Bộ phận tài chính – Marketing:

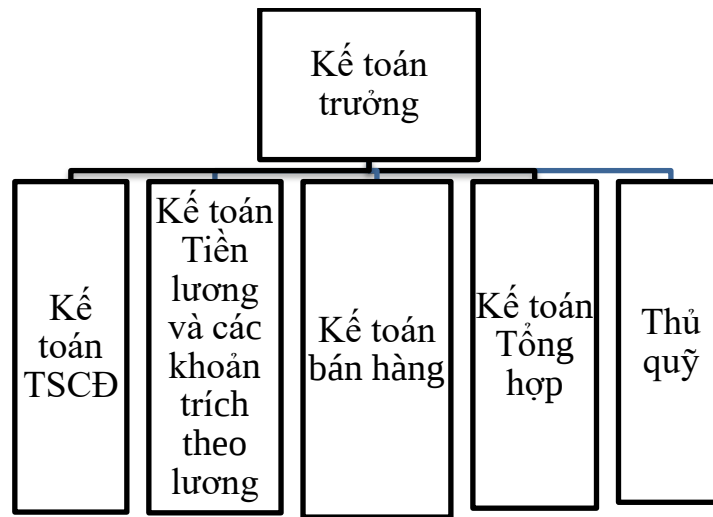
- Ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.
- Nghiên cứu tiếp thị và thông tin, tìm hiểu thị hiếu khách hàng.
- Lập hồ sơ thị trường và dự báo.
- Khảo sát hành vi ứng xử của khách hàng tiềm năng.
- Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu.
- Phát triển sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm với các thuộc tính mà thị trường mong muốn.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty cổ phần Trung Thủy.

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty cổ phần Trung Thuỷ

***Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.**

• **Kế toán trưởng**

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán.
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế Toán và phù hợp với hoạt động của công ty.
- Lập BCTC
- Có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
- Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của Kế toán trưởng.

• **Kế toán TSCĐ:**

- Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐHH hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐHH trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐHH, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐHH và kế hoạch đầu tư đổi mới

TSCĐHH trong từng đơn vị.

- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐHH vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ quy định.

Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐHH về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.

- Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới, nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng giảm nguyên giá TSCĐHH cũng như tình hình quản lý, nhượng bán TSCĐHH.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận trực thuộc trong các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐHH, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ theo chế độ quy định.

- **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:**

- Ghi chép phản ánh kịp thời số lượng thời gian lao động, chất lượng sản phẩm, tính chính xác tiền lương phải trả cho người lao động. Tính chính xác số tiền BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí và thu từ thu nhập của người lao động.

- Trả lương kịp thời cho người lao động, giám sát tình hình sử dụng quỹ lương, cung cấp tài liệu cho các phòng quản lý, chức năng, lập kế hoạch quỹ lương kỳ sau.

- Tính và phân bổ chính xác đối tượng, tính giá thành .

- Phân tích tình hình sử dụng quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, đề xuất biện pháp tiếp kiệm quỹ lương, cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp và các bộ phận quản lý khác.

- Lập báo cáo về lao động, tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ thuộc phạm vi trách nhiệm của kế toán. Tổ chức phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ BHXH, quỹ BHYT KPCĐ đề xuất các biện pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động, tăng năng suất lao động.

- **Kế toán bán hàng**

- Phản ánh giám đốc tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản và dự trữ hàng hoá, tình hình nhập xuất vật tư hàng hoá. Tính giá thực tế mua vào của hàng hoá đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ và bán hàng nhằm thúc đẩy nhanh tốc độ luân chuyển hàng hoá.

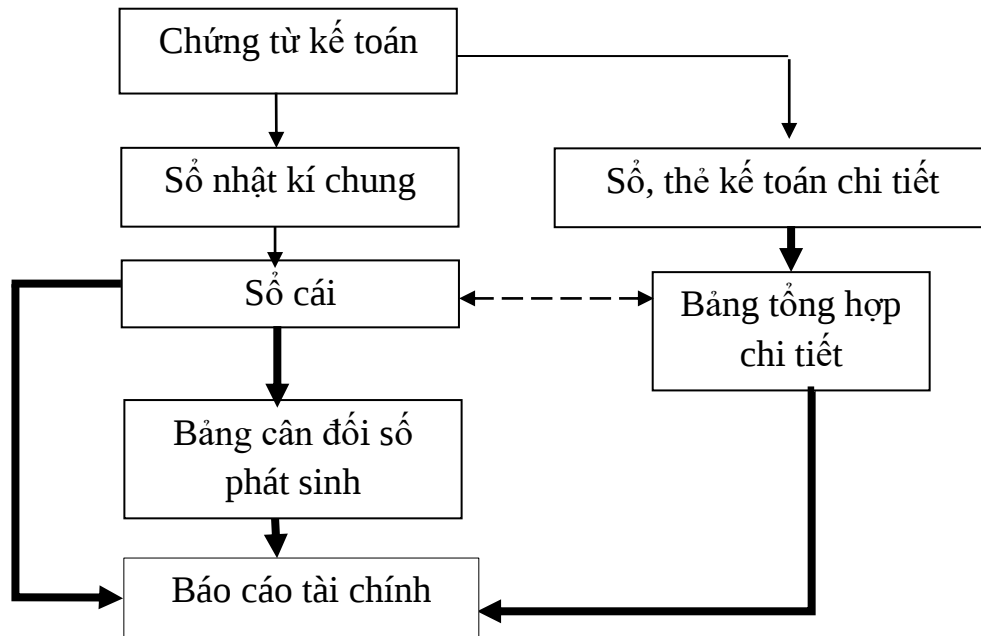
- Ghi chép phản ánh các nghiệp vụ thanh toán với người mua người bán.
- Tổ chức tốt kế toán chi tiết vật tư hàng hoá theo từng loại từng thứ theo đúng số lượng và chất lượng hàng hoá. Kết hợp chặt chẽ giữa kế toán chi tiết với hạch toán nghiệp vụ ở kho, thực hiện đầy đủ chế độ kiểm kê hàng hoá ở kho.
- Xác định đúng đắn doanh thu bán hàng, thu đầy đủ thu kịp thời tiền bán hàng, phản ánh kịp thời kết quả mua bán hàng hoá. Tham gia kiểm kê và đánh giá lại vật tư, hàng hoá.
- **Kế toán tổng hợp**
 - Hạch toán các khoản chi phí, các khoản trích trước, các khoản phân bổ, các nghiệp vụ khác.
 - Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.
 - Lập BCTC, các báo cáo quản trị theo mẫu.
 - Thống kê và tổng hợp số liệu kế toán khi có yêu cầu.
 - Cung cấp số liệu cho ban giám đốc hoặc các đơn vị chức năng khi có yêu cầu.
 - In sổ chi tiết và tổng hợp khối văn phòng, tổng hợp theo công ty theo quy định.
 - Tham gia phối hợp công tác kiểm tra, kiểm kê tại các đơn vị cơ sở.
 - Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định.
- **Thủ quỹ**
 - Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.
 - Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty...
 - Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.
 - Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt.
 - Chịu trách nhiệm lưu trữ chứng từ thu chi tiền.
 - Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế toán tổng hợp.

2.1.5.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán **nhật ký chung**.
- Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng : Công ty tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

***Hình thức sổ kế toán**

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.
- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái.
 - Sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi định kỳ $\longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu $\longleftrightarrow$

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

-Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

-Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.1.6. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

* Đặc điểm về đối tượng thanh toán tại công ty

- Về nhà cung cấp: là các nhà cung cấp đáng tin cậy trên thị trường, thường là các công ty cung cấp các loại gỗ.

- Về khách hàng: là những công ty nội thất, trường học, nhà hàng, khách sạn, lữ đoàn...

* Các phương thức thanh toán

- Phương thức thanh toán: gồm thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm

* Hình thức thanh toán: Gồm 2 loại cơ bản thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt như chuyển khoản để thanh toán với khách hàng thông qua giao dịch tại ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy

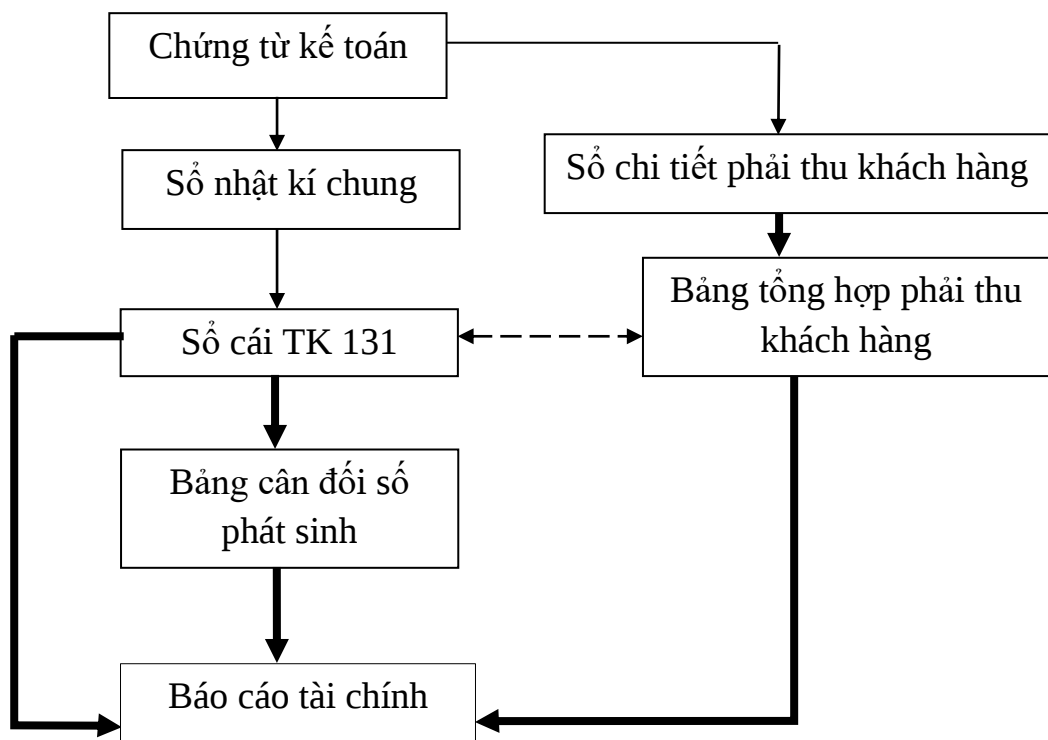
2.2.1. Kế toán thanh toán với người mua tại công ty cổ phần Trung Thủy

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu

Tài khoản sử dụng: TK 131 – Phải thu của khách hàng

Sổ sách sử dụng: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 131, sổ chi tiết phải thu khách hàng, bảng tổng hợp phải thu khách hàng



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty cổ phần Trung Thủy

Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi định kỳ $\longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu $\longleftrightarrow$

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải thu khách hàng. Sau đó từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi chép vào sổ cái tài khoản. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải thu khách hàng lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái tài khoản 131 với bảng tổng hợp phải thu khách hàng.
- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái tài khoản 131 và bảng tổng hợp phải thu khách hàng, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái tài khoản 131, bảng tổng hợp phải thu khách hàng và bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 30/11 Bán hàng cho Chi nhánh Tổng công ty thương mại Sài Gòn tại Hà Nội – TNHH một thành viên chưa thu tiền: 75.000.000 (chưa thuế VAT).

ĐK: - Nợ TK 131: 82.500.000

Có TK 511: 75.000.000

Có TK 3331: 7.500.000

Biểu số 1: HD GTGT 0000126

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 30 tháng 11 năm 2016				Mẫu số: 01 GTKT3/002 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000126	
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Trung Thủy Mã số thuế: 0200605838 Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, tp Hải Phòng Điện thoại/Fax: ...0313.856814..... Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Chi nhánh Tổng công ty thương mại Sài Gòn tại Hà Nội – TNHH một thành viên Mã số thuế: 0300100037-002 Địa chỉ: 154 Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Hình thức thanh toán:CK....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Ghế gỗ óc chó M43	chiếc	150	500.000	75.000.000
Cộng tiền hàng:					75.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					7.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					82.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Ví dụ 2: Ngày 10/11 Bán hàng cho Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ chưa thu tiền: 210.000.000 (chưa thuế VAT 10%).

ĐK: - Nợ TK 131: 231.000.000

Có TK 511: 210.000.000

Có TK 3331: 21.000.000

Biểu số 2: HĐ GTGT 0000120

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 10 tháng 11 năm 2016				Mẫu số: 01 GTKT3/002 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000120	
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Trung Thủy Mã số thuế: 0200605838 Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, tp Hải Phòng Điện thoại/Fax: ...0313.856814..... Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ Mã số thuế: 0200987538 Địa chỉ: Số 59 đường Nguyễn Công Trứ - Q. Lê Chân – TP Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Bàn học sinh gỗ xoan đào BHS-01	chiếc	700	300.000	210.000.000
Cộng tiền hàng:					210.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			21.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					231.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi một triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Ví dụ 3: Ngày 02/12 Chi nhánh Tổng công ty thương mại Sài Gòn tại Hà Nội – TNHH một thành viên thanh toán tiền hàng theo HĐ 0000126

Biểu số 3: Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HB-TCB HONG BANG
MST: 0100230800-004



Mẫu số: 01GTKT2/004
Ký hiệu: AA/16T
Số: 15655017993635.01000

PHIẾU BÁO CÓ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2 – Giao khách hàng

Ngày 02/12/2016

Tên khách hàng: CTY CP TRUNG THUY
Địa chỉ: 27/739 Nguyen Van Linh, phuong Vinh
Niêm, quan Le Chan
Mã số thuế: 0200605838
Số ID khách hàng: 22436470

Số tài khoản: 19025685342060
Loại tiền: **VND**
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:

Nội dung	Số tiền
Chi nhánh công ty thương mại Sài Gòn tại Hà Nội – TNHH một thành viên thanh toán tiền	82,500,000
Tổng số tiền	82,500,000

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Số tiền bằng chữ: Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn VND chẵn.

Trích yếu:

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Ví dụ 4: Ngày 15/11 Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ thanh toán tiền hàng theo HĐ 0000120

Biểu số 4: Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HB-TCB HONG BANG
MST: 0100230800-004



Mẫu số: 01GTKT2/004
Ký hiệu: AA/16T
Số: 15655017107835.01000

PHIẾU BÁO CÓ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2 – Giao khách hàng

Ngày 15/11/2016

Tên khách hàng: CTY CP TRUNG THUY
Địa chỉ: 27/739 Nguyen Van Linh, phuong Vinh
Niêm, quan Le Chan
Mã số thuế: 0200605838
Số ID khách hàng: 22436470

Số tài khoản: 19025685342060
Loại tiền: **VND**
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:

Nội dung	Số tiền
Truong tieu hoc Nguyen Cong Tru thanh toan tien	231,000,000
Tổng số tiền	231,000,000

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi một triệu VND chẵn.

Trích yếu:

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số 5: Trích Nhật ký chung 2016**Đơn vị:** Công ty cổ phần Trung Thủy**Mẫu số S03a-DNN****Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
						
10/11	HĐ 0000120	10/11	Bán hàng cho Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ chưa thu tiền	131	231.000.000	
				511		210.000.000
				3331		21.000.000
						
15/11	PBC	15/11	Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ thanh toán tiền hàng	112	231.000.000	
				131		231.000.000
						
30/11	HĐ 0000126	30/11	Bán hàng cho CN Tổng CTMM Sài Gòn tại HN chưa thu tiền	131	82.500.000	
				511		75.000.000
				3331		7.500.000
						
02/12	PBC	02/12	CN Tổng CTMM Sài Gòn tại HN thanh toán tiền hàng	112	82.500.000	
				131		82.500.000
						
			Cộng phát sinh		560.016.333.423	560.016.333.423

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 6: Trích Sổ Cái TK 131**Mẫu số: S03b – DNN****Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Trung Thủy*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC***Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP*Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị tính : Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>1.304.457.723</u>	
...	...	...				
10/11	HD 0000120	10/11	Bán hàng cho Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ chưa thu tiền	511	210.000.000	
				3331	21.000.000	
...	...	...				
15/11	PBC	15/11	Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ thanh toán tiền hàng	112		231.000.000
...	...	...				
30/11	HD 0000126	30/11	Bán hàng cho CN Tổng CTMM Sài Gòn tại HN chưa thu tiền	511	75.000.000	
				3331	7.500.000	
...	...	...				
02/12	PBC	02/12	CN Tổng CTMM Sài Gòn tại HN thanh toán tiền hàng	112		82.500.000
...	...	...				
			Cộng SPS		23.905.887.056	16.847.969.623
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>8.362.375.156</u>	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 7 : Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng**Đơn vị:** Công ty cổ phần Trung Thủy**Mẫu số:** S13 – DNN**Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 131

Đối tượng: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN CÔNG TRỨ

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>					<u>8.020.000</u>	
...	...	...	...	...	...	...	...	<u>...</u>	
23/5	HD 0000068	23/5	Bán hàng chưa thu tiền	511		98.500.000		177.520.000	
				3331		9.850.000		187.370.000	
30/5	PBC	30/5	Thu tiền hàng bằng chuyển khoản	112			108.350.000	79.020.000	
10/11	HD 0000120	10/11	Bán hàng chưa thu tiền	511		210.000.000		289.020.000	
				3331		21.000.000		310.020.000	
15/11	PBC	15/11	Thu tiền hàng bằng chuyển khoản	112			231.000.000	79.020.000	
			Cộng số phát sinh			401.020.000	389.020.000		
			<u>SDCK</u>					<u>20.020.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 8 : Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng**Đơn vị:** Công ty cổ phần Trung Thủy**Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP**Mẫu số:** S13 – DNN*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 131

Đối tượng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>					<u>20.560.000</u>	
									
20/09	HĐ 0000115	20/09	Bán hàng chưa thu tiền	511		52.350.000		112.990.000	
				3331		5.235.000		118.225.000	
28/09	PBC	28/09	Thu tiền hàng bằng chuyển khoản	112			57.585.000	60.640.000	
30/11	HĐ 0000126	30/11	Bán hàng chưa thu tiền	511		75.000.000		135.640.000	
				3331		7.500.000		143.140.000	
02/12	PBC	02/12	Thu tiền hàng bằng chuyển khoản	112			82.500.000	60.640.000	
									
			Cộng số phát sinh			235.400.000	210.460.000		
			<u>SDCK</u>					<u>45.500.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 9 : Trích bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty cổ phần Trung Thủy

Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**Tài khoản: Phải thu khách hàng****Năm 2016**

Đơn vị tính : Đồng

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
							
MoreHome	Công ty cổ phần MoreHome	0		420.000.000	420.000.000	0	
NGUYENCONG TRU	Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ	8.020.000		401.020.000	389. 020.000	20.020.000	
ANCUONG	Công ty cổ phần gỗ An Cường	0		570.356.000	570.356.000	0	
SAIGON	Chi nhánh Tổng CTM Sài Gòn tại Hà Nội	20.560.000		235.400.000	210.460.000	45.500.000	
							
	Cộng	1.304.457.723		23.905.887.056	16.847.969.623	8.362.375.156	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

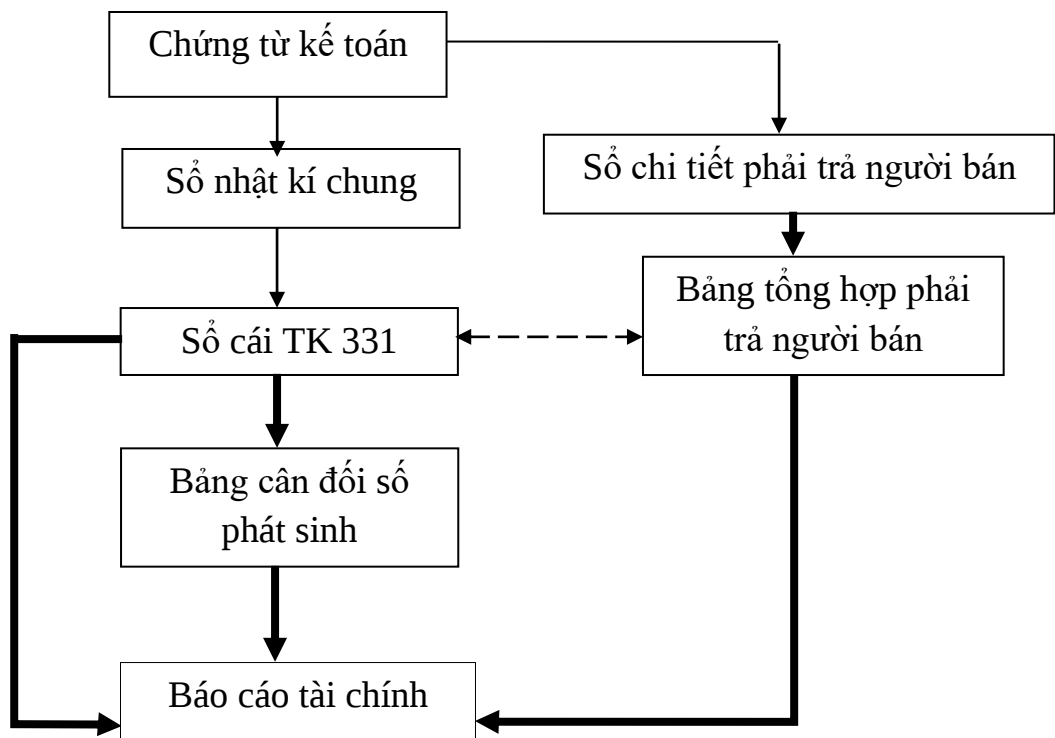
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán thanh toán với người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy**Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi

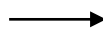
Tài khoản sử dụng: TK 331 – Phải trả người bán

Sổ sách sử dụng: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 331, sổ chi tiết phải trả người bán, bảng tổng hợp phải trả người bán.



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy

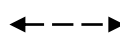
Ghi chú: Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Kiểm tra, đối chiếu



- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 331. Cuối kỳ từ sổ chi tiết TK 331 lập bảng tổng hợp phải trả người bán. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 331 với bảng tổng hợp phải trả người bán.
- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái TK 331 và bảng tổng hợp phải trả cho người bán, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái TK 331, bảng tổng hợp phải trả người bán và bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 04/11 công ty mua 800m^3 gỗ khối Liễn. Đơn giá $603.405\text{đ}/\text{m}^3$. (chưa thuế VAT) của công ty cổ phần đầu tư thương mại Thăng Long chưa trả tiền.

ĐK: Nợ TK 152: 482.724.000

Nợ TK 133: 48.272.400

Có TK 331: 530.996.400

Biểu số 9 : Hóa đơn GTGT số 0000245

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua Ngày 04 tháng 11 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000245		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thăng Long Mã số thuế: 0208914902 Địa chỉ: Tòa nhà Thăng Long, Khu đô thị mới, Đường 188, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh Điện thoại: 033.3657.948 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty cổ phần Trung Thủy Số tài khoản: Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK....; Mã số thuế:..0200605838.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Gỗ khối Liều HK38	m ³	800	603.405	482.724.000
Cộng tiền hàng:					482.724.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					48.272.400
Tổng cộng tiền thanh toán					530.996.400
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm ba mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Ví dụ 2: Ngày 05/11 công ty mua 5.782 kg thép ø12 đơn giá 15.500đ/kg và 14.135 kg thép ø6-ø8 đơn giá 15.500đ/kg (chưa thuế VAT) của công ty TNHH TM Hùng Vĩnh Thịnh chưa trả tiền.

ĐK: Nợ TK 152: 308.713.500

Nợ TK 133: 30.871.350

Có TK 331: 339.584.850

Biểu số 10 : Hóa đơn GTGT số 0000195

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua Ngày 05 tháng 11 năm 2016				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000195	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Hùng Vĩnh Thịnh Mã số thuế: 0201661397 Địa chỉ: Số 24/183 Hùng Vương, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, tp HP Điện thoại: 031.3540055 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty cổ phần Trung Thuỷ Số tài khoản: Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....; Mã số thuế:..0200605838.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Thép ø12	Kg	5.782	15.500	89.621.000
02	Thép ø6-ø8	Kg	14.135	15.500	219.092.500
Cộng tiền hàng:					308.713.500
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			30.871.350
Tổng cộng tiền thanh toán					339.584.850
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi tư nghìn tám trăm lăm mươi đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Ví dụ 3: Ngày 8/11 thanh toán tiền hàng ngày 4/11 cho công ty cổ phần đầu tư thương mại Thăng Long bằng chuyển khoản: 530.996.400đ

ĐK: Nợ TK 331: 530.996.400

Có TK 112: 530.996.400

Biểu số 11 : Ủy nhiệm chi



ỦY NHIỆM CHI

Liên 2

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN

Lập ngày: 08/11/2016

Phần do NH ghi

Tên đơn vị trả tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY		<u>TÀI KHOẢN GHI NỢ</u>	
Số tài khoản: 19025685342060		19025685342060	
Tại Ngân hàng: Techcombank Chi nhánh: Ngô Quyền TP: Hải Phòng			
Tên đơn vị nhận tiền: CTY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THĂNG LONG		<u>TÀI KHOẢN GHI CÓ</u>	
Số tài khoản: 1700202902135		1700202902135	
Tại ngân hàng: Vietcombank Chi nhánh: Mạo Khê TP: Quảng Ninh			
Số tiền bằng chữ: <i>Năm trăm ba mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng.</i>		<u>Số tiền bằng số</u>	
Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua hàng		VND <u>530,996,400</u>	
<u>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN</u>		<u>NGÂN HÀNG A</u>	
Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày_____	Ghi sổ ngày_____

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HB-TCB HONG BANG
MST: 0100230800-004



Mẫu số: 01GTTK2/004
Ký hiệu: AA/16T
Số: 15655016874675.01000

PHIẾU BÁO NỢ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2 – Giao khách hàng

Ngày 08/11/2016

Tên khách hàng: CTY CP TRUNG THUY
Địa chỉ: 27/739 Nguyen Van Linh, phuong Vinh
Niêm, quan Le Chan
Mã số thuế: 0200605838
Số ID khách hàng: 22436470

Số tài khoản: 19025685342060
Loại tiền: **VND**
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:

Nội dung	Số tiền
Tra tien hang cho CTCP Dau Tu Thuong Mai Thang Long	530,996,400
Tổng số tiền	530,996,400

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm VND.

Trích yếu:

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Ví dụ 4: Ngày 10/11 thanh toán tiền hàng ngày 4/11 cho công ty TNHH TM

Hùng Vĩnh Thịnh bằng chuyển khoản: 339.584.850đ

ĐK: Nợ TK 331: 339.584.850

Có TK 112: 339.584.850

Biểu số 13 : Ủy nhiệm chi**ỦY NHIỆM CHI**Liên 2**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN**

Lập ngày: 10/11/2016

Phần do NH ghi

Tên đơn vị trả tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY Số tài khoản: 19025685342060 Tại Ngân hàng: Techcombank Chi nhánh: Ngô Quyền TP: Hải Phòng		<u>TÀI KHOẢN GHI NỢ</u> 19025685342060 _____
Tên đơn vị nhận tiền: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG VĨNH THỊNH Số tài khoản: 1505804906125 Tại ngân hàng: Vietcombank Chi nhánh: Hồng Bàng TP: Hải Dương		<u>TÀI KHOẢN GHI CÓ</u> 1505804906125 _____
Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi tư nghìn tám trăm lăm mươi đồng.		<u>Số tiền bằng số</u> VND 339,584,850 _____
Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua hàng		
<u>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN</u>	<u>NGÂN HÀNG A</u>	<u>NGÂN HÀNG B</u>
Kế toán Chủ tài khoản	Ghi số ngày _____	Ghi số ngày _____

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HB-TCB HONG BANG
MST: 0100230800-004



Mẫu số: 01GTTK2/004
Ký hiệu: AA/16T
Số: 15655016875295.01000

PHIẾU BÁO NỢ

(Kiểm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2 – Giao khách hàng

Ngày 10/11/2016

Tên khách hàng: CTY CP TRUNG THUY
Địa chỉ: 27/739 Nguyen Van Linh, phuong Vinh
Niêm, quan Le Chan
Mã số thuế: 0200605838
Số ID khách hàng: 22436470

Số tài khoản: 19025685342060
Loại tiền: **VND**
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:

Nội dung	Số tiền
Tra tien hang cho Cong ty TNHH Thuong Mai Hung Vinh Thinh	339,584,850
Tổng số tiền	339,584,850

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi tư nghìn tám trăm lăm
mươi VND.

Trích yếu:

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số 15: Trích Nhật ký chung 2016**Đơn vị:** Công ty cổ phần Trung Thủy**Mẫu số S03a-DNN****Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – Lê Chân –
Hải Phòng(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ
trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
						
04/11	HD 0000245	04/11	Mua hàng của công ty Thăng Long chưa trả tiền	152	482.724.000	
				133	48.272.400	
				331		530.996.400
05/11	HD 0000195	05/11	Mua hàng của công ty Hùng Vĩnh Thịnh chưa trả tiền	152	308.713.500	
				133	30.871.350	
				331		339.584.850
						
08/11	UNC	08/11	Thanh toán tiền hàng cho công ty Thăng Long	331	530.996.400	
				112		530.996.400
10/11	UNC	10/11	Thanh toán tiền hàng cho công ty Hùng Vĩnh Thịnh	331	339.584.850	
				112		339.584.850
						
			Cộng phát sinh		560.016.333.423	560.016.333.423

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 16: Trích Sổ Cái TK 331**Mẫu số: S03b – DNN****Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Trung Thủy*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC***Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP*Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>1.116.720.149</u>
...	...	...				
04/11	HĐ 0000245	04/11	Mua hàng của công ty Thăng Long chưa trả tiền	152		482.724.000
				133		48.272.400
05/11	HĐ 0000195	05/11	Mua hàng của công ty Hùng Vĩnh Thịnh chưa trả tiền	152		308.713.500
				133		30.871.350
...	...	...				
08/11	UNC	08/11	Thanh toán tiền hàng cho công ty Thăng Long	112	530.996.400	
10/11	UNC	10/11	Thanh toán tiền hàng cho công ty Hùng Vĩnh Thịnh	112	339.584.850	
...	...	...				
			Cộng SPS		2.504.016.913	4.455.687.596
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			3.068.390.832

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17: Trích Sổ chi tiết phải trả người bán**Đơn vị:** Công ty cổ phần Trung Thủy**Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP**Mẫu số:** S13 – DNN*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331

Đối tượng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG VINH THỊNH

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>						
									
02/11	UNC	02/11	Thanh toán tiền hàng cho cty HVT	112		53.391.876			289.057.489
05/11	HĐ 0000195	05/11	Mua hàng của cty Hùng Vinh Thịnh	152			308.713.500		597.770.989
				133			30.871.350		628.642.339
08/11	UNC	08/11	Thanh toán tiền hàng cho cty HVT	112		339.584.850			289.057.489
									
			Cộng số phát sinh			768.984.776	821.895.276		
			<u>SDCK</u>						52.910.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Trích Sổ chi tiết phải trả người bán**Đơn vị:** Công ty cổ phần Trung Thủy**Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP**Mẫu số:** S13 – DNN*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331

Đối tượng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THĂNG LONG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>						
									
27/10	UNC	27/10	Thanh toán tiền hàng cho công ty Thăng Long bằng chuyển khoản	112		235.900.000			17.476.000
04/11	HD 0000245	04/11	Mua hàng của công ty Thăng Long chưa trả tiền	152			482.724.000		500.200.000
				133			48.272.400		548.472.400
08/11	UNC	08/11	Thanh toán tiền hàng cho công ty Thăng Long bằng chuyển khoản	112		530.996.400			17.476.000
									
			Cộng số phát sinh			974.930.000	974.930.000		
			<u>SDCK</u>						0

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích bảng tổng hợp phải trả người bán

Đơn vị: Công ty cổ phần Trung Thủy

Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – HP

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**Tài khoản: Phải trả người bán****Năm 2016**

Đơn vị tính : Đồng

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
							
HUNGHANH	Công ty TNHH nội thất Hưng Hạnh		0	96.054.000	96.054.000		0
KHOAHUNG	Công ty TNHH Khoa Hùng		35.550.000	48.250.000	32.300.000		19.600.000
HUNGVINHTHINH	Công Ty TNHH TM Hùng Vĩnh Thịnh			768.984.776	821.895.276		52.910.500
DUCVIET	CTCP sản xuất và kinh doanh Đức Việt		157.973.023	157.973.023			0
THANGLONG	CTCP đầu tư thương mại Thăng Long			974.930.000	974.930.000		0
MAILAN	Công Ty TNHH Sản Xuất Mai Lan		110.000.000	120.500.000	58.500.000		48.000.000
							
	Cộng phát sinh		1.116.720.149	2.504.016.913	4.455.687.596		3.068.390.832
	Tổng cộng						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy.

Cũng như các công ty khác, công ty cổ phần Trung Thủy mong muốn mình để lại ấn tượng tốt với khách hàng cũng như nhà cung cấp. Để đáp ứng mong muốn đó thì ngoài chất lượng sản phẩm cũng như đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm trễ và phải luôn khéo léo, linh hoạt. Chính vì vậy, công tác kế toán thanh toán là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần Trung Thủy, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm

- **Về tổ chức bộ máy kế toán:** bộ máy kế toán của công ty được xây dựng theo mô hình tập trung, bố trí hợp lý, chặt chẽ, đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả, hoạt động có nề nếp với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, trình độ nghiệp vụ kế toán của cán bộ kế toán luôn luôn được nâng cao.
- **Về hình thức sổ kế toán:** Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật Ký Chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản dễ áp dụng. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công ty. Công tác tính toán, xử lý thông tin phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của công ty.
- **Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ:** Công ty đã sử dụng đầy đủ chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán

kế toán ban đầu được chính xác và công tác kiểm tra, đối chiếu sau này được thuận lợi.

Việc tổ chức, bảo quản, lưu trữ chứng từ khoa học, đầy đủ, dễ kiểm tra và kiểm soát tạo điều kiện cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác.

- **Về hệ thống tài khoản:** Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- **Về hạch toán kế toán thanh toán:** Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được thực hiện kịp thời, công ty đã sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược phù hợp cho công ty.

Công ty đã theo dõi công nợ phải thu, cũng như phải trả khách hàng một cách khoa học. Có sự phối hợp và đối chiếu công nợ thường xuyên, do đó công nợ của công ty được phản ánh với những số liệu đầy đủ, chính xác, làm hài lòng khách hàng cũng như nhà cung cấp.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc tổ chức kế toán thanh toán tại công ty cổ phần Trung Thủy vẫn còn những hạn chế nhất định.

Thứ nhất: Quản lý công nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự tồn tại và thành công của công ty. Tuy nhiên công ty vẫn chưa có những biện pháp để quản lý công nợ sát sao và hiệu quả dẫn đến vẫn còn nhiều khách hàng thanh toán chậm thời hạn. Vì vậy, công ty nên tăng cường quản lý công nợ chặt chẽ và hiệu quả hơn để đảm bảo khách hàng thanh toán đúng thời hạn.

Thứ hai: Trong công tác kế toán thanh toán, công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm. Do đó chưa khuyến khích được khách hàng thanh toán sớm ảnh hưởng đến khả năng quay vòng lưu động vốn của công ty.

Thứ ba: Đối với các khoản nợ ngoài việc cố gắng để thu hồi thì công ty chưa đưa ra biện pháp nào để xử lý và khắc phục theo hướng có lợi nhất cho công ty, trong khi với tình hình kinh tế như hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toàn có thể xảy

ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. Vì vậy công ty cổ phần Trung Thủy có thể tham khảo về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo TT228/2009TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Thứ tư: Công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán. Hiện nay công việc kế toán tại công ty được thực hiện trên excel. Dẫn đến mất nhiều thời gian và không tránh khỏi sai sót.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, đối với mỗi doanh nghiệp đây không chỉ là một cơ hội mà còn là một thách thức, thách thức đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu để tồn tại.

Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không còn phù hợp. Để công tác quản lý tốt nhất, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đòi hỏi nhà quản lý sử dụng nhiều sự hỗ trợ khác nhau trong đó công tác kế toán là vô cùng quan trọng. Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin, số liệu chính xác tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì thế công ty phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty cổ phần Trung Thủy thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông

tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính trong công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ, không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể gây ảnh hưởng đến việc xử lý các tình huống xấu có thể xảy ra trong doanh nghiệp. Còn đối với các đối tượng quan tâm bên ngoài doanh nghiệp như ngân hàng, nhà đầu tư mà không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư đồng thời để lại ấn tượng không tốt cho việc kinh doanh sau này.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

- Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được thì phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất cứ một giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nào đưa ra cũng phải tính đến những chi phí bỏ ra như chi phí lương nhân viên, chi phí tài chính và những hiệu quả mang lại từ việc áp dụng nó. Chỉ khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí thì lúc đó phương án mới được thực hiện.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu cung cấp thêm thông tin kịp thời chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý, đồng thời dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc nhưng vẫn mang tính khoa học.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy

3.4.1. Giải pháp 1: Quản lý công nợ.

❖ Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng

Với một hồ sơ khách hàng được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục giúp người quản lý nắm bắt được đầy đủ về thông tin của một khách hàng. Sau đây em xin phép đề xuất một mẫu hồ sơ theo dõi khách hàng như sau:

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng

Tên viết tắt.....

Địa chỉ

Điện thoại..... Số Fax (*Fax No.*).....

Địa chỉ thư điện tử.....

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...).....

.....

Ngành nghề đăng ký kinh doanh.....

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp)

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp

Mã số thuế

Tài khoản ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật.....ĐT

Người giao dịch.....ĐT

Ví dụ: Hồ sơ khách hàng công ty cổ phần gỗ An Cường

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG.....

Tên viết tắt: AN CUONG WOOD - WORKING JSC.....

Địa chỉ: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, khu phố Phư, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 06503626384..... Số Fax (Fax No.).....

Địa chỉ thư điện tử.....

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...): Công ty cổ phần

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp): 0620043000115

Ngày cấp...20/09./2006.....Nơi cấp: Cục thuế tỉnh Bình Dương.....

Mã số thuế: 3700748131

Tên ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank – CN Bình Dương

Số tài khoản: 0901000001864.....

Người đại diện theo pháp luật: Lê Đức Nghĩa.....ĐT: **0975308965**

Người giao dịch: Nguyễn Thị Phương Thoa.....ĐT: **0979037054**.....

❖ Đối chiếu công nợ định kì

Đối chiếu công nợ định kì vào cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý chặt chẽ, không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua và người bán, theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản nợ phải thu nhằm thu hồi vốn sớm, có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá hạn.

Với công nợ phải trả, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

CÔNG TY.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày...tháng...năm...

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày...tháng...năm...Tại văn phòng Công ty...,chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY**

- Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

- Điện thoại: (031)3856814

Fax:

- Đại diện: Lê Văn Thủy

Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Đại diện:.....Chức vụ:.....

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kì:.....đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền

3. Số tiền bên B đã thanh toán:.....đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày.....bên B phải thanh toán cho Công ty cổ phần Trung Thủy số tiền là:.....

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty cổ phần Trung Thủy không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ

**TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN CÔNG TRỨ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 05 năm 2016

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 31 tháng 05 năm 2016 Tại văn phòng Công ty cổ phần Trung Thủy, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY**

- Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

- Điện thoại: (031)3856814

Fax:

- Đại diện: Lê Văn Thủy

Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua): **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN CÔNG TRỨ**

- Địa chỉ: Số 59 Nguyễn Công Trứ – phường Hàng Kênh – quận Lê Chân – TP Hải Phòng.

- Điện thoại: (031)3874999

Fax:

- Đại diện: Nguyễn Thị Thắm

Chức vụ: Hiệu Trưởng

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kì: 79.020.000 đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền
23/05	0000068	98.500.000	9.850.000	108.350.000

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 108.350.000 đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày 31/05 bên B phải thanh toán cho Công ty cổ phần Trung Thủy số tiền là: 79.020.000 đồng.

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty cổ phần Trung Thủy không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

❖ Giải pháp thu hồi nợ hiệu quả

Việc nợ nần trong doanh nghiệp luôn là điều không tránh khỏi. Quản lý nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự tồn tại và thành công của một doanh nghiệp. Công ty phải đảm bảo dòng tiền không bị tắc nghẽn bởi những khoản nợ khó đòi.

✓ Phương pháp đàm phán thương lượng trong thu hồi nợ

Bằng mọi giá phải cố gắng thu hồi nợ được ở trong giai đoạn thương lượng, đàm phán bởi:

- Công ty có cơ hội tiếp tục cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách nợ.
- Công ty sẽ tiết kiệm được tài chính, thời gian.
- Công ty giúp giữ thể diện, uy tín, danh dự cho khách nợ và giữ lại tình cảm với khách nợ

✓ Phân loại khách hàng theo cấp độ nợ – Công ty nên phân loại khách hàng trước khi hợp tác để tránh rủi ro sau này không thu hồi được nợ. Độ nợ nần của khách hàng thường chia thành 3 thể loại: Kiểu khách hàng ở độ mạo hiểm thấp, độ mạo hiểm trung bình và độ mạo hiểm cao. Với từng kiểu khách hàng sẽ có từng cách đối phó hiệu quả khác nhau.

- *Khách hàng ở độ mạo hiểm thấp*: Thường sẽ là những khách hàng lâu năm, có uy tín việc thu nợ là điều đơn giản vì khách hàng luôn trả đúng thời hạn hoặc là sau cuộc điện thoại nhắc nhở thứ nhất nếu có chút vấn đề về tài chính.

- *Khách hàng ở độ mạo hiểm trung bình*: Khách hàng này luôn trễ hẹn vài ngày hoặc 1 tuần. Nếu vẫn chưa thanh toán sau 2 cuộc điện thoại vào những ngày tiếp theo thì công ty hãy gửi một lá thư yêu cầu thanh toán hoặc đến tận nơi để tìm hiểu nguyên nhân nhắc nhở “nghĩa vụ” đối với khách hàng.

- *Khách hàng ở độ mạo hiểm cao*: Công ty hãy làm các bước như đã làm với kiểu khách hàng ở độ mạo hiểm trung bình. Khách hàng sẽ đưa ra lí do và chây ì với nghĩa vụ thanh toán nợ. Công ty phải luôn ghi nhớ mục tiêu để giao tiếp với khách hàng một cách cứng rắn mà vẫn khôn khéo logic. Mục tiêu cuối cùng là ngày hẹn thanh toán của khách hàng. Công ty hãy yêu cầu khách hàng ký giấy cam kết thanh toán. Nếu tất cả những điều này đều không thành công thì con đường duy nhất khi ấy sẽ là tòa án.

- ✓ **Đưa ra chính sách rõ ràng trong hợp đồng**– Để hạn chế tối đa những vấn đề phát sinh sau này, công ty cần đưa ra những chính sách rõ ràng như ký thỏa thuận rõ ràng, thời hạn và phương thức thanh toán. Thể hiện cụ thể ngày trong hợp đồng, ghi rõ hạn thanh toán và hạn chót thanh toán là khi nào.
- ✓ **Lập một quy trình thu hồi nợ rõ ràng cho công ty** – Khi làm việc với khách hàng, công ty nên lập một quy trình thu hồi nợ để xác định được rõ cá nhân nào sẽ chịu trách nhiệm với khách hàng cũng như quy định rõ thời gian cách thức cho việc gửi thư nhắc nhở hay các cuộc gọi điện thoại giữa công ty và khách hàng.
- ✓ **Lưu trữ dưới dạng tài liệu mọi giao dịch** – Liên hệ của công ty với khách hàng như email, thư, cuộc gọi,... Công ty có thể cần những thứ này cho việc tranh chấp sau này.

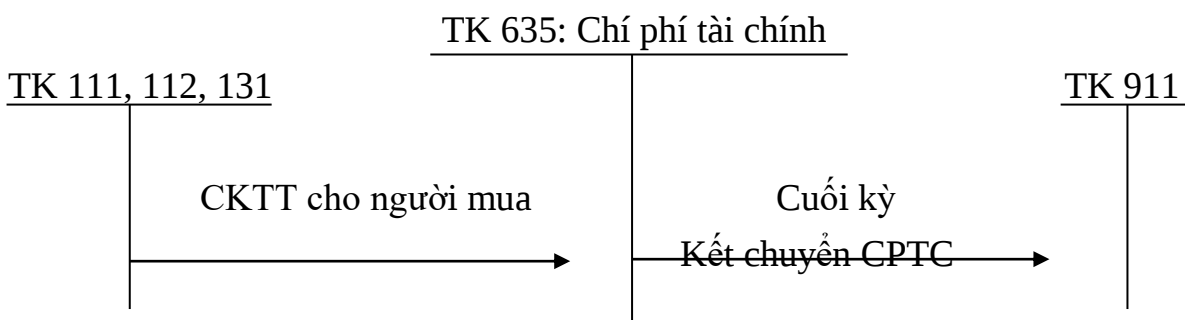
3.4.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Hiện nay tại công ty cổ phần Trung Thủy chưa áp dụng sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn nhanh, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của Bộ Tài Chính. Vì vậy, mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên tình hình của công ty, quy mô nợ, thời gian trả nợ trước hạn, tỷ lệ lãi suất của ngân hàng và cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được ghi cụ thể trong hợp đồng kinh tế được ký kết giữa hai bên, đây là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với khách hàng.

Tài khoản sử dụng: TK 635: Chi phí tài chính



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán

Tỷ lệ chiết khấu công ty căn cứ theo lãi suất tiền gửi ngân hàng mà công ty đang mở tài khoản.

Hiện tại công ty đang mở tài khoản tại ngân hàng Techcombank. Tại thời điểm này, mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Techcombank năm 2016 là 7,5%/năm, mức lãi suất cho vay là 12%/năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 9,5%/năm dựa theo lãi suất ngân hàng Techcombank.

Hình thức trả chiết khấu: theo thỏa thuận giữa hai bên.

Số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán x tỷ lệ chiết khấu x số ngày thanh toán trước hạn.

Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112.....

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính.

Ví dụ: Giả sử ngày 30/06/2016 công ty cổ phần Trung Thủy bán hàng cho công ty cổ phần gỗ An Cường tổng số tiền là 570.356.000 (đã bao gồm cả thuế VAT 10%). Thời hạn thanh toán là 30/07/2016. Đến ngày 10/07/2016 công ty cổ phần gỗ An Cường đã thanh toán toàn bộ bằng chuyển khoản.

Vậy công ty cổ phần gỗ An Cường đã thanh toán sớm 20 ngày nên được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,026%/ngày thanh toán sớm (nếu áp dụng tỷ lệ chiết khấu là 9,5%/năm)

⇒ Tỷ lệ chiết khấu thanh toán cho công ty cổ phần gỗ An Cường = $0,026\% \times 20 = 0,52\%$

⇒ Tiền chiết khấu = $0,52\% \times 570.356.000 = 2.965.851$

Định khoản:

Nợ TK 635: 2.965.851

Có TK 112: 2.965.851

Việc áp dụng tỉ lệ chiết khấu thanh toán dựa trên lãi suất ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản không những giúp đẩy nhanh tốc độ thu tiền của các khoản phải thu mà còn không tác động, ảnh hưởng xấu đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

3.4.3. Giải pháp 3: Dự phòng phải thu khó đòi

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, công ty cổ phần Trung Thủy chưa trích lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong tương lai nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như phương hướng lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước. Công ty có thể tham khảo nếu như trong tương lai xuất hiện tình trạng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi: việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, bảo đảm cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Về cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng: kế toán căn cứ vào thông tư TT228/2009TT-BTC ban hành 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Điều kiện lập dự phòng: doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- *Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:*

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng tới dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm tới dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm tới dưới 3 năm

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

- *Đối với khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể: người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.*

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp

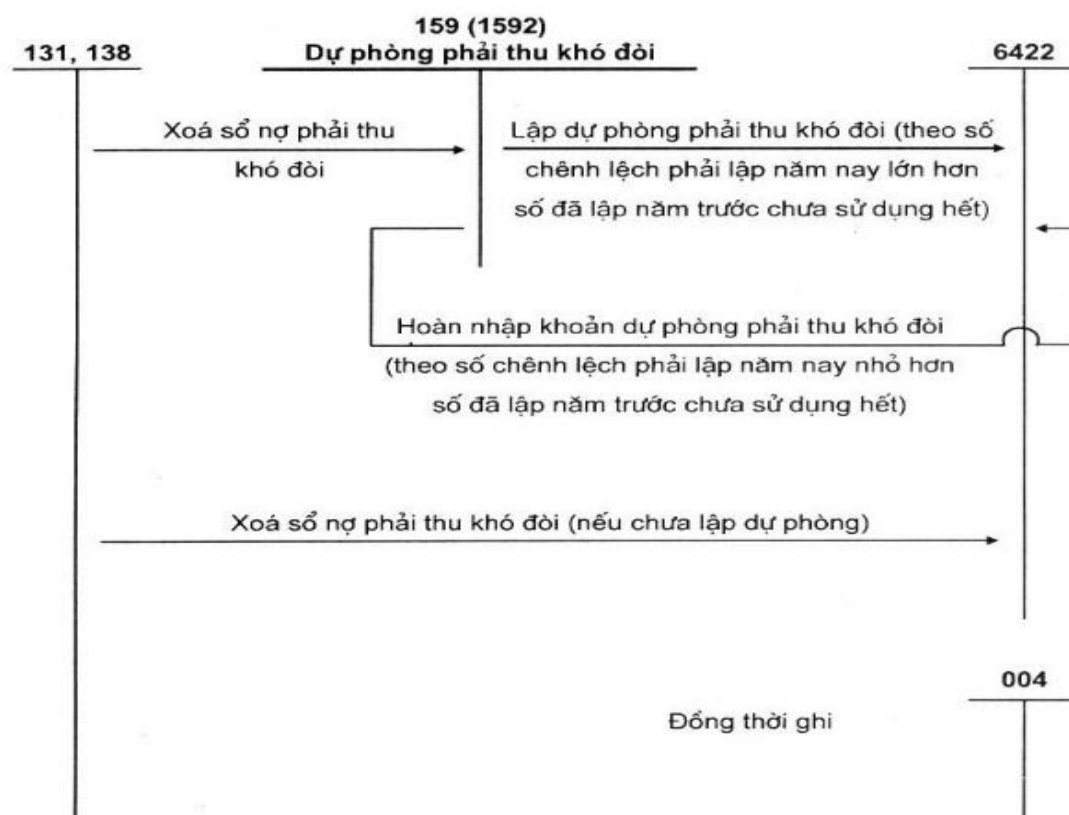
(Nguồn: TT Số: 228/2009/TT-BTC Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2009)

- **Tài khoản sử dụng:** TK 159.2: Dự phòng phải thu khó đòi

Từ ngày 1/1/2017 thông tư 133 có hiệu lực .Nếu doanh nghiệp muốn trích lập dự phòng phải thu khó đòi thì cần tham khảo theo thông tư 133

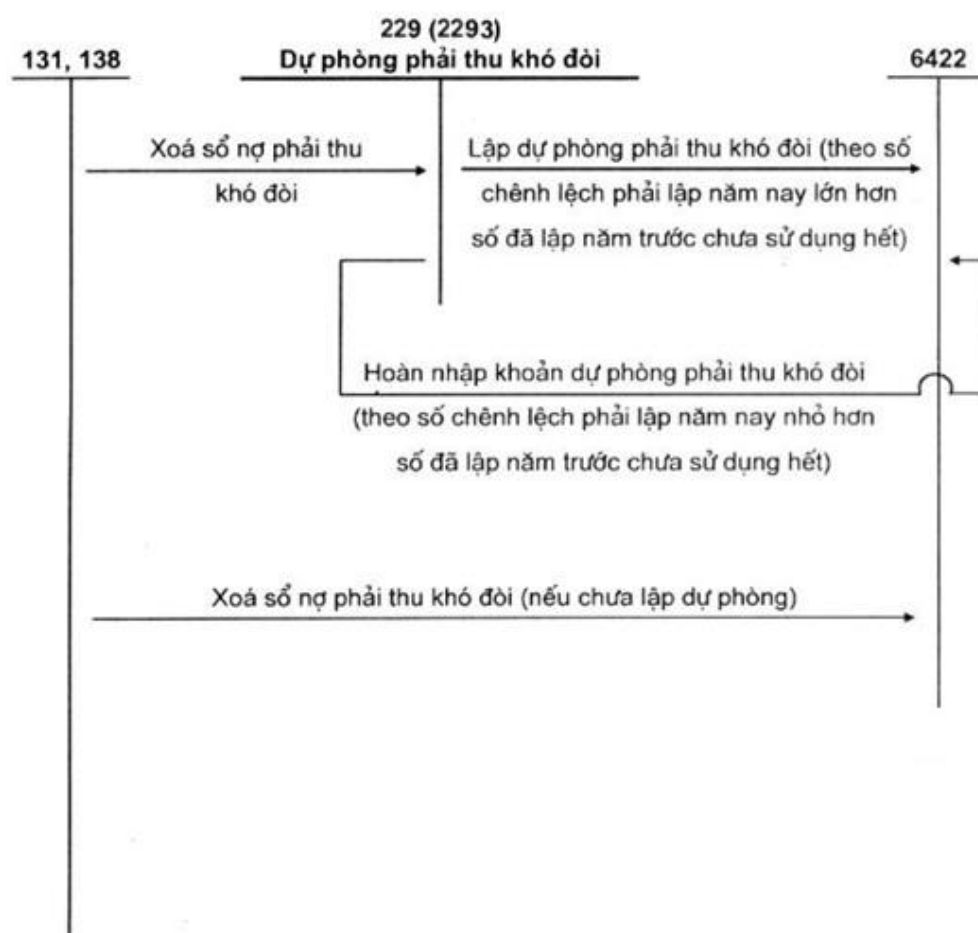
- **Kết cấu tài khoản**

Bên Nợ	Bên Có
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi - Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi	- Số nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
	Số dư bên có: số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có ở cuối kỳ.



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo QĐ48

(Nguồn: Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC)



Sơ đồ 3.3: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo TT 133

(Nguồn: Thông tư 133/2016/TT-BTC)

Biểu số 20: Báo cáo tình hình công nợ năm 2016**Đơn vị :** Công ty cổ phần Trung Thủy**Địa chỉ:** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – Hải Phòng**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2016**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên công ty	Công nợ với khách hàng	Thời hạn thanh toán	Thời gian quá hạn	Ghi chú
3	Công ty cổ phần Minh Thúc	46.800.000	31/08/2015	1 năm 4 tháng	
1	Công ty TNHH Hữu Đạt	50.500.000	31/01/2016	11 tháng	
5	Công ty cổ phần gỗ Việt	45.950.000	31/03/2016	09 tháng	
2	Công ty cổ phần gỗ Trung Hòa	20.000.000	30/04/2016	08 tháng	
4	Công ty cổ phần gỗ An Cường	30.000.000	31/01/2017		
..					
	Tổng cộng	<u>1.682.995.850</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 21: Bảng trích lập dự phòng năm 2016**Đơn vị :** Công ty cổ phần Trung Thủy**Địa chỉ :** 27/739 Nguyễn Văn Linh – Vĩnh Niệm – Hải Phòng**BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Năm 2016

Đơn vị tính : Đồng

STT	Tên công ty	Công nợ với khách hàng	Thời gian quá hạn	Mức trích lập	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Minh Thủy	46.800.000	1 năm 4 tháng	50%	23.400.000	
2	Công ty TNHH Hữu Đạt	50.500.000	11 tháng	30%	15.150.000	
3	Công ty cổ phần gỗ Việt	45.950.000	09 tháng	30%	13.785.000	
4	Công ty cổ phần gỗ Trung Hòa	20.000.000	08 tháng	30%	6.000.000	
	Tổng cộng	163.250.000			58.365.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Nợ TK 6422 : 58.365.000

Có TK 1592 : 58.365.000

3.4.4. Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là hệ thống các chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của Nhà nước.

Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán là một quá trình liên quan đến chi tiết. Nó liên quan đến các quy định, luật lệ, thuế và nhiều tính toán phức tạp khác. Một phần mềm kế toán đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật lệ, thuế...hiện hành sẽ giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ với luật pháp. Hơn nữa, nó giúp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp. Điều doanh nghiệp cần làm là nhập dữ liệu và in ra.

Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.
- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.
- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.
- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng

năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý.

Hãy lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty cổ phần Trung Thủy là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

- Phần mềm kế toán Misa
- Phần mềm kế toán Fast Accounting

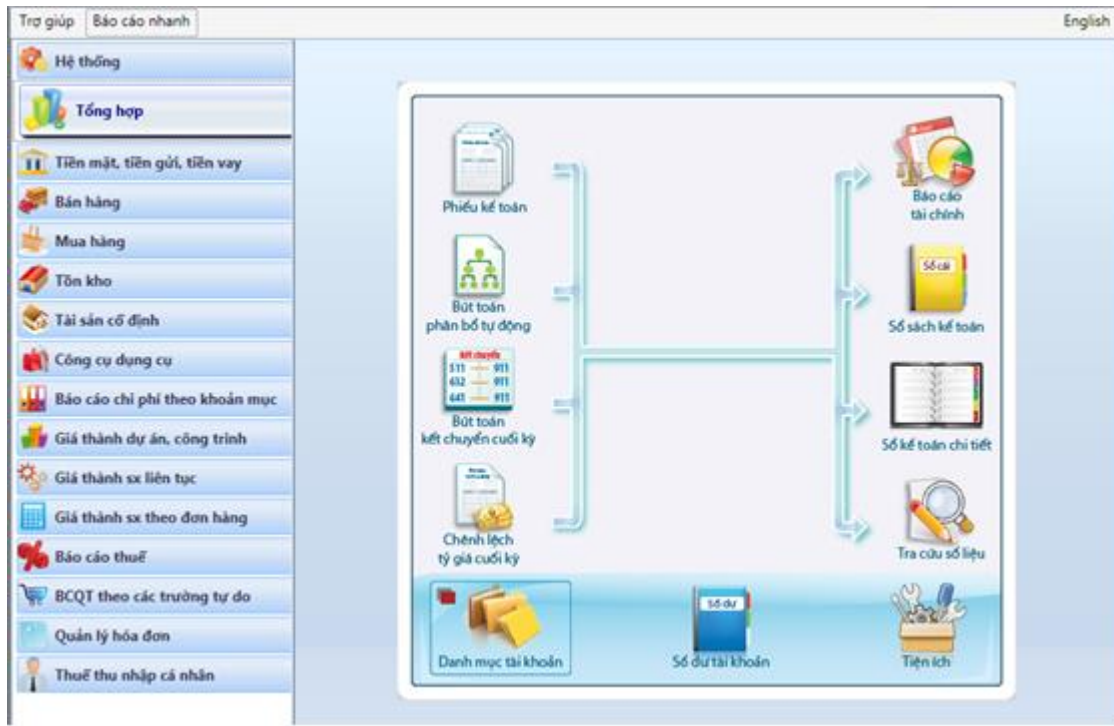
.....



Chức năng:

MISA SNE.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



Chức năng:

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bộ cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

KẾT LUẬN

Hiện nay quản lý công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán là một vấn đề gây đau đầu cho những người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồi công nợ không những đúng, kịp thời mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên... Do đó việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp.

Đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy”*** đã hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp, mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần Trung Thủy và đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán. Tăng cường quản lý công nợ, áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trích lập dự phòng phải thu khó đòi và đưa các phần mềm kế toán vào sử dụng.

Sau quá trình độc lập, nghiên cứu tại trường và một thời gian thực tập tại công ty cổ phần Trung Thủy đã giúp em hiểu rõ hơn về những lý luận đã học, đồng thời biết được việc ứng dụng lý luận đó vào thực tế như thế nào. Tuy nhiên, với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và các chị kế toán viên để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin cảm ơn cô giáo **Th.S Trần Thị Thanh Phương** cùng các chị làm việc tại phòng kế toán công ty cổ phần Trung Thủy đã nhiệt tình giúp đỡ và hướng dẫn em trong việc hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Hải phòng, ngày...tháng...năm 2017

Sinh viên thực tập

Trần Thị Ngọc Liễu